TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/LĐ-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v Tranh chấp về việc yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương.

Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-LĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Công B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số F, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Chung cư C, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 05/9/2025).

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A;

Trụ sở: Lô C, đường H, KCN K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Liang Kai H, chức vụ: Giám đốc điều hành Công ty TNHH A; là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 17/5/2025); vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Lô C, đường H, khu công nghiệp K, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội cơ sở B1; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số A đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 8, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Khoảng năm 2007, ông Lê Công B có cho ông Nguyễn Văn Q mượn giấy tờ tùy thân để đi xin việc làm, do thời điểm này ông Q bị mất giấy tờ tùy thân chưa làm lại được. Do là chỗ người quen nên ông B đã cho ông Q mượn chứng minh nhân dân mang tên Lê Công B, sinh năm 1974. Ông Nguyễn Văn Q đã làm việc tại Công ty TNHH A khoảng 17 năm 6 tháng (từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 5 năm 2025) tham gia đóng Bảo hiểm xã hội số sổ 9107193384.

Cũng trong thời gian này, ông B đang làm việc trong ngành quân đội, tham gia bảo hiểm xã hội từ năm 1995 đến năm 2025, theo số sổ Bảo hiểm xã hội 6698292376.

Hiện nay, ông B đang tiến hành thủ tục để giải quyết chế độ bảo hiểm thì mới biết thời điểm 2007, ông Q có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A và đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội, số sổ 9107193384 theo Giấy chứng minh nhân dân ông B đã cho mượn. Do đó, ảnh hưởng chế độ giải quyết bảo hiểm xã hội cho ông B theo quy định.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Văn Q với Công ty TNHH A là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó ông B khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Lê Công B (do ông Nguyễn Văn Q là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH A vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 11 năm 2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH A trình bày:

Thời gian từ 01/9/2007 đến 31/8/2025 công ty có ký hợp đồng có thời hạn, không thời hạn và phụ lục hợp đồng với ông Lê Công B, sinh ngày 12/05/1974, Quê quán: B - thành phố T - Bình Dương, Mã số thẻ: 4656, Bộ phận: Khâu Hàn 2.

Đến ngày 09/6/2025 ông Lê Công B nghỉ việc, lý do: Xin nghỉ, công ty có ra quyết định nghỉ việc. Trong thời gian ông Lê Công B làm việc, công ty có tham gia bảo hiểm đầy đủ và khi ông B nghỉ việc công ty đã chốt trả sổ bảo hiểm cho ông B.

Việc ông Nguyễn Văn Q mượn tên ông Lê Công B để ký Hợp đồng lao động công ty không biết nên qua yêu cầu khởi kiện của Lê Công B, công ty yêu cầu tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH A có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại văn bản số 1726/CV-BHXH ngày 10/12/2025, Bảo hiểm xã hội cơ sở B1 trình bày:

Ông Lê Công B, sinh năm 12/05/1974, CCCD 044074009569. Mã số 9107193384 có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025 tại Công ty TNHH A đã được xác nhận bảo lưu trên sổ. Tại thời điểm tra cứu ông B chưa hưởng trợ cấp 1 lần và trợ cấp thất nghiệp (kèm chi tiết quá trình).

Theo quy định hiện hành về đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cơ quan bảo hiểm xã hội không lưu giữ hợp đồng lao động và các giấy tờ tùy thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ.

Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị Q1 tòa tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động. Đồng thời giải quyết vắng mặt toàn bộ đối với cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 28/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q và ông Lê Công B là chỗ bạn bè thân thiết với nhau. Khoảng năm 2007, ông Q lên Bình Dương xin việc làm nhưng không có giấy tờ tùy thân nên tôi mới hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Công B để làm thủ tục xin việc vào Công ty TNHH A. Công ty đã nhận ông Q vào làm khoảng thời gian từ tháng 9/2007 và có tham gia bảo hiểm cho ông Q dưới tên Lê Công B. Mã số BHXH là 9107193384. Ông Q làm việc tại đây tới tháng 5/2025 thì xin nghỉ việc tại Công ty.

Cũng trong khoảng thời gian từ năm 1995 tới năm 2025, ông Lê Công B công tác trong cơ quan nhà nước và tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ 6698292376.

Đến năm 2025, ông B cập nhật lại thông tin trong sổ bảo hiểm xã hội và làm thủ tục để hưởng bảo hiểm xã hội thì được Bảo hiểm xã hội T thông báo ông Ba bị trùng sổ Bảo hiểm xã hội do đóng trùng nên không thể rút Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định được. Thực tế, ông Q là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp tại Công ty TNHH A do mượn giấy tờ tùy thân của ông B.

Ông Q nhận thấy việc ký hợp đồng lao động giữa ông Q với Công ty TNHH A là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Lê Công B. Vì vậy, ông Q kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo quy định pháp luật và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH A, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Lê Công B như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 9107193384 từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025 tại Công ty TNHH A.

Mã số bảo hiểm xã hội quân đội 6698292376 từ năm 1995 đến năm 2025 trong ngành quân đội.

[2.2] Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ dữ liệu bảo hiểm xã hội, tài liệu nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định nguyên đơn và người lao động tên Lê Công B, sinh năm 1974, số chứng minh nhân dân 044074009569, với mã số BHXH 9107193384 từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025, có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội như trên là một người. Quá trình tố tụng, nguyên đơn thừa nhận không ký hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH A (cụ thể trong khoảng thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025) mà ông Lê Công B cho bạn là Nguyễn Văn Q mượn chứng minh nhân dân và thông tin để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH A, ông Q thừa nhận do không có giấy tờ tuỳ thân nên có mượn chứng minh nhân dân của ông B để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A. Đồng thời, trong khoảng thời gian từ năm 1995 đến năm 2025, ông B có tham gia bảo hiểm xã hội quân đội bằng mã số BHXH 6698292376. Như vậy, có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025, ông Lê Công B làm việc tại ngành quân đội, không làm việc tại Công ty TNHH A. Việc ông Nguyễn Văn Q sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của ông B để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, (Điều 15, 16 Bộ luật Lao động năm 2019), Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015). Do đó việc ông Lê Công B yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Lê Công B với Công ty TNHH A là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà ông Lê Công B

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015);

- Điều 9 (Điều 15, 16, 49, 50 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công B về việc "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu".

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Công B và với Công ty TNHH A (thời gian làm việc từ tháng 9/2007 đến tháng 5/2025) vô hiệu.

Điều chỉnh tên Lê Công B trên sổ Bảo hiểm xã hội số 9107193384 thành tên Nguyễn Văn Q

Ông Lê Công B, ông Nguyễn Văn Q được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương để điều chỉnh thay đổi tên từ Lê Công B trên sổ BHXH số 9107193384 thành tên Nguyễn Văn Q

2. Án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Công B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024150, ký hiệu BLTU/25E, số 0024150 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 15 - TP. Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ái Ngân